TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 145/2021/HNGĐ-ST
Ngày 07-12-2021
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Ngô Hoàng Sơn
Ông Võ Thanh Liêm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – Là thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 07 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 313/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021 về việc yêu cầu xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 691/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Tuyết N, sinh năm 1990 (có mặt).
Cư trú tại: Ấp H, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Anh Trần Chí T, sinh năm 1986 (vắng mặt).
Cư trú tại: Khóm 3, phường X, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Trương Tuyết N trình bày tại đơn khởi kiện và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Chí T chung sống với nhau vào năm 2008, đến ngày 27/3/2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện N tỉnh Cà Mau. Trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, quan điểm cuộc sống không đồng nhất, thường xuyên cự cãi, bất đồng về cuộc sống. Từ đó dẫn đến đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nên chị và anh T đã ly thân khoảng 05 tháng nay. Hiện chị không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh T có 01 con chung tên Trần Phước Th, sinh ngày 14/10/2009 hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị khai vợ chồng không có nợ chung và cũng không ai nợ lại.

Đối với anh Trần Chí T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng anh T vắng mặt không có lý do, cũng không có văn bản ý kiến gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Chí T đã được tống đạt hợp lệ giấy triệu tập xét xử lần thứ hai nhưng tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp giữa chị Trương Tuyết N và anh Trần Chí T được xác định là tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh T có nơi cư trú tại phường X, thành phố M nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trương Tuyết N và anh Trần Chí T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện N, tỉnh Cà Mau theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Hiện chị N yêu cầu xin ly hôn với anh T. Theo lời trình bày của chị N tại phiên tòa do vợ chồng sống không hợp nhau, và có nhiều mâu thuẫn, nên anh chị đã ly thân khoảng 05 tháng nay. Đồng thời, trong suốt thời gian chị N xin ly hôn anh T vắng mặt cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án, điều đó chứng tỏ anh T cũng không có ý thức hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống chung giữa chị Trương Tuyết N và anh Trần Chí T mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt đươc, hiện chị N và anh T mỗi người đã có cuộc sống riêng, không ai quan T chăm sóc ai. Do đó, có cơ sở chấp nhận lời trình bày và yêu cầu của chị N về việc xin ly hôn với anh T

[3] Về con chung: Chị Trương Tuyết N và anh Trần Chí T có 01 con chung tên Trần Phước Th, sinh ngày 14/10/2009 hiện đang sống cùng chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện cháu Th còn nhỏ và từ khi ly thân cháu Th chung sống cùng chị N, hiện cháu Th cũng có nguyện vọng sống cùng chị N. Do đó, tiếp tục giao cháu Th cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị N khai không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị N khai không nợ ai nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị N phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 207, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Tuyết N về việc xin ly hôn với và anh Trần Chí T.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Phước Th, sinh ngày 14/10/2009 hiện đang sống cùng chị N cho chị Trương Tuyết N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung; nợ chung: Chị N khai không có, không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, chị Trương Tuyết N phải chịu. Chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0001287 vào ngày 08/7/2021, được đối trừ, chị N đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Trương Tuyết N, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Chí T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Kim Cương

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- UBND TT Cái Nước,
huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu Toà án Tp Cà Mau.